

Số: 1951/QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày 26 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BTC ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản tại Quỹ Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Hội đồng Quản lý Quỹ Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 01/TTr-HĐQL ngày 08/7/2022 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1410/TTr-SNV ngày 15/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Hội đồng quản lý, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, NCKS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam
(Kèm theo Quyết định số 1951 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Địa vị pháp lý

1. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập và được Ủy ban nhân dân tỉnh ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam tổ chức quản lý, điều hành.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu và bảng cân đối kế toán riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh và các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở

1. Tên gọi:

- Tên giao dịch tiếng Việt: **Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam;**
- Tên giao dịch tiếng Anh: **Quang Nam Environmental Protection Fund;**
- Tên viết tắt: **QNaEPF.**

2. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam có trụ sở làm việc đặt tại địa chỉ số 90 Phan Bội Châu, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động

1. Mục tiêu: Quỹ tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn từ ngân sách nhà nước, các nguồn tài trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Nguyên tắc hoạt động

a) Quỹ là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn điều lệ và tự bù đắp chi phí quản lý, được miễn nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Quỹ hoạt động công khai, minh bạch, bình đẳng và đúng pháp luật.

Chương II

NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 4. Nguồn vốn hoạt động

1. Vốn chủ sở hữu bao gồm:

a) Vốn điều lệ được cấp tại thời điểm thành lập Quỹ là 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) và được cấp bổ sung để đạt vốn điều lệ tối thiểu là 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng) trong thời hạn không quá 03 năm kể từ ngày 10/01/2022.

b) Quỹ đầu tư phát triển.

c) Vốn khác thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Vốn khác gồm:

a) Nguồn vốn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp môi trường cấp bù kinh phí tài trợ cho các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã thực hiện hằng năm và bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ.

b) Phí bảo vệ môi trường được nộp vào ngân sách nhà nước đối với nước thải (nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp), khí thải, chất thải rắn, ký quỹ phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (nếu có) và các loại phí bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản bồi thường thiệt hại về môi trường và đa dạng sinh học nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.

d) Lệ phí bán, chuyển các chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) thu được từ các dự án phát triển sạch (sau đây viết là CDM) thực hiện tại tỉnh Quảng Nam.

đ) Các khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho lĩnh vực bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

e) Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

g) Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 5. Hoạt động cho vay với lãi suất ưu đãi

1. Đối tượng cho vay

Quỹ cho vay đối với tổ chức, cá nhân có các dự án đầu tư, hoạt động bảo vệ môi trường theo danh mục quy định tại Phụ lục XXX “*Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ*” ban hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Điều kiện cho vay

Quỹ xem xét cho vay khi tổ chức, cá nhân có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Thuộc đối tượng cho vay của Quỹ được quy định tại Khoản 1 Điều này.
- b) Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.
- c) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.
- d) Dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư, xây dựng và môi trường theo quy định của pháp luật.
- đ) Có khả năng tài chính, khả năng trả nợ đảm bảo trả hết nợ gốc và lãi vay đúng thời hạn cam kết với Quỹ.
- e) Phải mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam đối với tài sản bảo đảm tiền vay thuộc đối tượng bắt buộc mua bảo hiểm.
- g) Có tài sản để bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

3. Thời hạn cho vay

- a) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thời hạn cho vay đối với từng dự án trên cơ sở kết quả thẩm định, khả năng thu hồi vốn của dự án, khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa là 10 năm.
- b) Trường hợp cho vay vượt quá thời hạn cho vay tối đa theo quy định tại điểm a Khoản này, Quỹ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Lãi suất cho vay

- a) Lãi suất cho vay của Quỹ được xác định theo nguyên tắc không vượt quá 50% lãi suất cho vay tín dụng đầu tư của Nhà nước.
- b) Định kỳ hằng năm hoặc trong từng thời kỳ, căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất cho vay quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, Giám đốc Quỹ tính toán trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ban hành mức lãi suất cho vay của Quỹ.
- c) Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

5. Giới hạn cho vay

- a) Giới hạn cho vay đối với một dự án không vượt quá 30% vốn điều lệ của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn, trừ trường hợp đối với những khoản vay từ các nguồn vốn ủy thác của các tổ chức, cá nhân và trường hợp đặc biệt khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.
- b) Giới hạn mức vốn cho vay đối với một dự án tối đa không vượt quá 70% tổng chi phí đầu tư dự án.

6. Thẩm quyền quyết định cho vay

a) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị không quá 30% vốn điều lệ của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay và/hoặc thời hạn cho vay không quá 10 năm; quyết định cho vay đối với những khoản vay từ các nguồn vốn ủy thác của các tổ chức, cá nhân.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với dự án cho vay có giá trị và/hoặc thời hạn cho vay lớn hơn mức quy định tại điểm a Khoản này.

7. Bảo đảm tiền vay, phân loại nợ và trích lập dự phòng xử lý rủi ro cho vay

Trình tự thủ tục vay vốn, phân loại nợ, trích lập, sử dụng quỹ dự phòng rủi ro, xử lý rủi ro và thẩm quyền xử lý rủi ro, đảm bảo tiền vay đối với hoạt động cho vay, việc giám sát quá trình vay vốn, trả nợ thực hiện theo quy định của Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

Điều 6. Hoạt động hỗ trợ lãi suất vay vốn

1. Đối tượng được hỗ trợ lãi suất vay vốn

Là các tổ chức, cá nhân đã vay vốn từ các tổ chức tín dụng khác để thực hiện các hoạt động về bảo vệ môi trường nhưng đặc biệt khó khăn về vốn được cấp có thẩm quyền quyết định hỗ trợ lãi suất vay vốn.

2. Điều kiện được hỗ trợ lãi suất

a) Các tổ chức, cá nhân đã ký hợp đồng vay vốn với tổ chức tín dụng nhưng chưa đến thời hạn thanh lý hợp đồng.

b) Dự án được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có thẩm quyền xác nhận đã thực hiện hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ môi trường hoặc giải quyết được các vấn đề môi trường.

c) Các tổ chức, cá nhân có dự án bảo vệ môi trường chỉ được nhận hỗ trợ lãi suất đối với số vốn vay đầu tư tại các tổ chức tín dụng trong phạm vi tổng mức đầu tư của dự án và không được hỗ trợ lãi suất đối với các khoản nợ quá hạn.

d) Chỉ hỗ trợ lãi suất khi dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng; nợ gốc và lãi vay đã được chủ đầu tư hoàn trả đúng hạn cho các tổ chức tín dụng.

đ) Việc hỗ trợ lãi suất vay vốn không áp dụng đối với dự án đã được hưởng các chính sách ưu đãi khác về vốn của Nhà nước và các chính sách ưu đãi lãi suất hiện hành.

3. Lãi suất hỗ trợ, mức hỗ trợ.

a) Lãi suất hỗ trợ tối đa không quá 50% lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm ký quyết định hỗ trợ lãi suất.

b) Mức chi phí hỗ trợ lãi suất của một dự án tối đa không quá 500 triệu đồng và không vượt quá nguồn vốn dành cho công tác hỗ trợ lãi suất được bố trí trong năm.

4. Thẩm quyền quyết định, nguồn chi phí hỗ trợ lãi suất.

a) Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định hỗ trợ lãi suất được trích từ nguồn chênh lệch thu – chi hằng năm của Quỹ.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ lãi suất được trích từ nguồn vốn khác của Quỹ quy định tại Khoản 2 Điều 4 Điều lệ này.

5. Việc cấp kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn được tiến hành mỗi năm một lần trên cơ sở số nợ gốc và lãi vay đầu tư dự án mà các tổ chức, cá nhân đã trả cho tổ chức tín dụng trong năm đó (không bao gồm các khoản nợ quá hạn).

6. Trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ lãi suất từ nguồn ngân sách nhà nước thì thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Hoạt động tài trợ và đồng tài trợ

1. Đối tượng được tài trợ và đồng tài trợ

Đối tượng được tài trợ là các tổ chức, cá nhân có các dự án hoạt động bảo vệ môi trường như sau:

a) Giáo dục môi trường, tuyên truyền và thực hiện các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường.

b) Thiết kế và triển khai các chương trình, dự án nhằm vận động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Các nghiên cứu ứng dụng giải pháp phòng tránh, hạn chế, xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường; xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường tự nhiên; ứng phó, khắc phục hậu quả do sự cố môi trường, thiên tai gây ra.

d) Tổ chức các giải thưởng môi trường, các hình thức khen thưởng nhằm tôn vinh các tổ chức, cá nhân điển hình tiên tiến về bảo vệ môi trường.

đ) Hoạt động bảo vệ môi trường khác.

2. Điều kiện tài trợ và đồng tài trợ

a) Các chương trình, dự án về bảo vệ môi trường có tính khả thi; có hiệu quả xã hội về bảo vệ môi trường và được cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường phê duyệt theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Hồ sơ xin tài trợ hoặc đồng tài trợ phải được Quỹ chấp thuận.

3. Mức tài trợ, đồng tài trợ được quyết định đối với từng dự án cụ thể theo đề xuất của Quỹ nhưng không vượt quá nguồn vốn dành cho công tác tài trợ được bố trí trong năm.

4. Thẩm quyền quyết định tài trợ, đồng tài trợ.

a) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định tài trợ, đồng tài trợ được trích từ nguồn chênh lệch thu – chi hằng năm của Quỹ.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tài trợ, đồng tài trợ được trích từ nguồn vốn khác của Quỹ quy định tại Khoản 2 Điều 4 Điều lệ này.

5. Quỹ được hợp tác với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để đồng tài trợ tài chính cho các nhiệm vụ và hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều lệ này và phù hợp với cam kết của phía đồng tài trợ.

Điều 8. Nhận ủy thác và ủy thác hỗ trợ đầu tư hoặc tài trợ cho các dự án bảo vệ môi trường

1. Nhận ủy thác:

a) Quỹ được nhận ủy thác cho vay, thu hồi nợ và tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác;

b) Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

2. Ủy thác:

a) Quỹ Bảo vệ môi trường hoạt động theo hình thức ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh tổ chức quản lý điều hành hoạt động và nguồn vốn của Quỹ.

b) Quỹ trả phí dịch vụ ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển và hạch toán vào nội dung chi của Quỹ. Mức phí được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

Điều 9. Nhận ký quỹ bảo vệ môi trường

1. Nhận ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản

a) Các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh phải thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường tại Quỹ theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân ký quỹ được hưởng lãi suất ký quỹ theo lãi suất cho vay của Quỹ và áp dụng cho toàn bộ số dư tiền ký quỹ.

c) Trách nhiệm của Quỹ:

- Tiếp nhận tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản.

- Xác nhận đã ký quỹ cho tổ chức, cá nhân và gửi cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án hoặc đề án bổ sung, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường tỉnh.

- Hoàn trả tiền ký quỹ và lãi suất tiền ký quỹ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định.

- Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng tiền ký quỹ theo đúng quy định của pháp luật.

- Đôn đốc các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản ký quỹ đúng hạn; kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định về nộp tiền ký quỹ.

- Các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.

d) Hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý, sử dụng tiền ký quỹ.

2. Nhận ký quỹ bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện nhập khẩu phế liệu vào các cảng biển, cửa khẩu trên địa bàn tỉnh phải thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất tại Quỹ.

b) Quy trình ký quỹ, số tiền ký quỹ, lãi suất ký quỹ, quản lý sử dụng tiền ký quỹ, hoàn trả tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất thực hiện theo quy định pháp luật và hợp đồng ký quỹ.

3. Ký quỹ bảo vệ môi trường trong hoạt động chôn lấp chất thải

a) Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng mới bãi chôn lấp chất thải trên địa bàn tỉnh phải thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường cho hoạt động chôn lấp chất thải tại Quỹ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường sau khi đóng bãi theo phương án cải tạo môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định.

b) Quy trình ký quỹ, số tiền ký quỹ, thời gian ký quỹ, quản lý sử dụng tiền ký quỹ, hoàn trả tiền ký quỹ bảo vệ môi trường cho hoạt động chôn lấp chất thải thực hiện theo quy định pháp luật và hợp đồng ký quỹ.

Điều 10. Thực hiện một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch (CDM) và biến đổi khí hậu

1. Tổ chức theo dõi, quản lý thu lệ phí bán/chuyển Chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận (CERs) được Ban chấp hành quốc tế về CDM cấp cho các dự án CDM thực hiện tại Quảng Nam.

2. Hỗ trợ cho các hoạt động phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức về dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch; xem xét, thẩm định tài liệu dự án CDM (theo ủy quyền nếu có); quản lý và giám sát dự án CDM tại địa phương.

3. Thực hiện trợ giá đối với sản phẩm của dự án CDM tại địa phương.

4. Hỗ trợ tài chính đối với các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Gửi tiền tại các tổ chức tín dụng, mua trái phiếu Chính phủ

Quỹ được phép sử dụng vốn nhàn rỗi để gửi tại các ngân hàng thương mại hoặc mua trái phiếu Chính phủ nhằm mục đích bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ.

Điều 12. Tham gia các chương trình, dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền

1. Quỹ huy động các nguồn lực cần thiết để tham gia điều phối, quản lý tài chính các chương trình, dự án bảo vệ môi trường trọng điểm theo Quyết định của UBND tỉnh hoặc quyết định cấp có thẩm quyền.

2. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cấp có thẩm quyền.

Điều 13. Giám sát, kiểm tra các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ

1. Quỹ có trách nhiệm kiểm tra định kỳ và đột xuất các tổ chức, cá nhân sử dụng vốn của Quỹ trong quá trình triển khai các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường để đảm bảo việc sử dụng vốn của Quỹ đúng mục đích, đúng đối tượng đã được cam kết trong các hợp đồng, văn bản tài liệu đã ký kết giữa các tổ chức, cá nhân này và Quỹ.

2. Trường hợp phát hiện các chủ đầu tư vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của Nhà nước, Quỹ có quyền rút vốn vay, đình chỉ hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ và đồng tài trợ đối với các Chủ đầu tư và khởi kiện tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Việc giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với các Chủ đầu tư sử dụng vốn của Quỹ được thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 14. Mời chuyên gia

Quỹ được mời chuyên gia của các Bộ, ngành Trung ương, Sở, Ban, ngành tỉnh và cá nhân, tổ chức có liên quan tham gia Hội đồng thẩm định các hoạt động, nhiệm vụ và dự án bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, ứng phó biến đổi khí hậu xin tài trợ hoặc xin hỗ trợ đầu tư và phục vụ cho các hoạt động khác của Quỹ.

Điều 15. Hợp tác với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước

1. Quỹ được quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để kêu gọi, thu hút và tiếp nhận tài trợ hợp pháp hoặc huy động vốn bổ sung cho Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ được trao đổi, hợp tác với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (VEPF), Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF), các Quỹ môi trường nước ngoài, các Quỹ môi trường ngành, địa phương để thực hiện việc đồng tài trợ, cho vay vốn đối với các hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của Điều lệ này.

3. Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định việc hợp tác, tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung từ các tổ chức, cá nhân trong nước.

Việc hợp tác, tiếp nhận tài trợ hoặc huy động vốn bổ sung từ các tổ chức, cá nhân nước ngoài do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định sau khi đã báo cáo và có ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương IV
TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA QUỸ
Mục 1
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Điều 16. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Hội đồng Quản lý Quỹ gồm 07 thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, thành phần như sau:

- Chủ tịch Hội đồng Quản lý là Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
- Phó Chủ tịch Hội đồng - Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Quảng Nam;
- Phó Chủ tịch Hội đồng - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Thành viên khác (04 thành viên) là đại diện lãnh đạo: Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ là 05 (năm) năm. Hết nhiệm kỳ, thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của Quỹ. Quản lý an toàn vốn và tài sản của Quỹ, bảo đảm sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả.

2. Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn và định hướng các hoạt động của Quỹ.

3. Phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hằng năm của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

4. Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và các quy chế nghiệp vụ của Quỹ.

5. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Kế toán của Quỹ.

6. Quyết định thành lập Tổ giúp việc Hội đồng quản lý Quỹ.

7. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt mức phụ cấp, thù lao kiêm nhiệm cho Thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Tổ giúp việc Hội đồng quản lý Quỹ.

8. Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước về tín dụng đầu tư, Điều lệ của Quỹ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

9. Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát, xem xét các báo cáo kết quả kiểm soát và báo cáo thẩm định quyết toán tài chính của Ban Kiểm soát.

10. Ban hành quyết định thông báo mức lãi suất cho vay ưu đãi trong từng thời kỳ; quyết định lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn các dự án đầu tư được hỗ trợ tài chính trong từng thời kỳ; quy định cơ chế ưu đãi, phạm vi ưu đãi, hỗ trợ các sản phẩm và dự án bảo vệ môi trường.

11. Quyết định cho vay vốn, hỗ trợ lãi suất vay, tài trợ và đồng tài trợ, các hoạt động nghiệp vụ khác theo phân cấp thẩm thẩm quyền.

12. Hội đồng Quản lý Quỹ sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ.

13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Chịu trách nhiệm về công việc của Hội đồng Quản lý Quỹ, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các Thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản lý Quỹ.

2. Thay mặt Hội đồng Quản lý Quỹ ký/hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý ký Hợp đồng ủy thác với Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam; ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và gửi các cơ quan có liên quan theo quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

3. Thay mặt Hội đồng Quản lý Quỹ ký, ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản lý Quỹ.

4. Triệu tập, chủ trì và phân công các thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ, chuẩn bị nội dung cho các cuộc họp của Hội đồng Quản lý Quỹ.

5. Ủy quyền cho các thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Thành viên được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.

6. Phân cấp quản lý cho Giám đốc Quỹ về các hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

7. Chịu trách nhiệm về các quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ trước Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 19. Chế độ làm việc của Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Hội đồng Quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng Quản lý. Hội đồng Quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng Quản lý, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng Ban Kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng Quản lý chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng Quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Cuộc họp do Chủ tịch hoặc một thành viên khác được Chủ

tịch ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) làm chủ tọa. Trong trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng Quản lý phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp Hội đồng Quản lý Quỹ phải được Quỹ chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng Quản lý tối thiểu 3 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.

4. Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên Hội đồng Quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng Quản lý. Thành viên Hội đồng Quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản lý và phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng Quản lý, Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

6. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Quỹ phải có trách nhiệm chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản lý.

7. Thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ hưởng phụ cấp, thù lao kiêm nhiệm do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ.

Điều 20. Tổ giúp việc Hội đồng Quản lý Quỹ

1. Tổ giúp việc Hội đồng quản lý Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, có nhiệm vụ tham mưu, giúp Hội đồng quản lý giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ theo Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Tổ giúp việc gồm 05 thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, cơ cấu như sau: Sở Tài nguyên và Môi trường (2 người), Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh (1 người), Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (1 người), Sở Tài chính (1 người).

3. Thành viên Tổ giúp việc Hội đồng quản lý được hưởng phụ cấp, thù lao kiêm nhiệm do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ.

Mục 2

BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Giao Trưởng Ban kiểm soát Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam thực hiện

hiện chức năng kiểm soát Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Quản lý Quỹ về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình.

2. Trưởng Ban kiểm soát Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng Quản lý Quỹ.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Nhiệm vụ

a) Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng việc chấp hành Điều lệ tổ chức, hoạt động; Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng Quản lý về việc tổ chức thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ, trong quản lý điều hành hoạt động của Quỹ và chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động, báo cáo đánh giá công tác quản lý và báo cáo khác trước khi trình Hội đồng Quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; giám sát hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán. Định kỳ hằng quý, năm và theo vụ việc, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ, Sở Tài chính kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ.

c) Khi cần thiết, kiểm tra các vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính của Quỹ để báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan.

d) Kiến nghị Hội đồng Quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc, thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch của Quỹ.

2. Quyền hạn

a) Được yêu cầu cung cấp thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động và tài chính của Quỹ; được tham gia các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng Quản lý, họp Ban Giám đốc, họp các chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. Khi tham dự các cuộc họp, Ban Kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

b) Được sử dụng hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Quỹ, thuê chuyên gia tài chính để thực hiện các nhiệm vụ của mình.

c) Được sử dụng con dấu của Quỹ trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều lệ.

d) Các nhiệm vụ khác theo phân cấp của Hội đồng Quản lý Quỹ.

3. Nghĩa vụ

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế của Hội đồng Quản lý Quỹ ban hành trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

b) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách độc lập, trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ và của Nhà nước;

c) Bảo mật thông tin theo quy định của Quỹ, không lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ; không sử dụng thông tin, chức vụ, tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Hội đồng Quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 3

CƠ QUAN ĐIỀU HÀNH NGHIỆP VỤ

Điều 23. Tổ chức của Cơ quan điều hành nghiệp vụ

Quỹ hoạt động theo hình thức ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam quản lý hoạt động và nguồn vốn, không thành lập bộ máy cơ quan điều hành độc lập. Giám đốc, Kế toán của Quỹ do Lãnh đạo, Kế toán của Quỹ Đầu tư phát triển Quảng Nam kiêm nhiệm.

Điều 24. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ này.

2. Giám đốc Quỹ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng Quản lý Quỹ.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Quản lý giao cho Quỹ.

2. Tổ chức, điều hành hoạt động của Quỹ; quyết định các vấn đề có liên quan đến các hoạt động của Quỹ theo Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ và theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Quỹ.

3. Chủ trì xây dựng quy định lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí lựa chọn các dự án đầu tư được hỗ trợ tài chính trong từng thời kỳ và các văn bản khác có liên quan trình Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

4. Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định cho vay, hỗ trợ lãi suất vay, ưu đãi, tài trợ và đồng tài trợ và các hoạt động nghiệp vụ khác theo các quy định tại Điều lệ này theo phân cấp thẩm quyền.

5. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chuyên ngành để thẩm định và xét chọn các hoạt động, chương trình, nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường đề nghị hỗ trợ tài chính.

6. Tiếp nhận vốn và các nguồn lực khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

7. Được thuê tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán các hoạt động của Quỹ.

8. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình theo quy định của pháp luật.

9. Báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ này và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

10. Trình Hội đồng Quản lý Quỹ ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ; quy định về thù lao, phụ cấp kiêm nhiệm; kế hoạch hoạt động, tài chính hàng năm của Quỹ và các văn bản khác theo quy định.

11. Đề nghị Hội đồng Quản lý xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm Kế toán của Quỹ;

12. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

Chương V

CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Điều 26. Cơ chế tài chính

1. Cơ chế quản lý tài chính của Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

2. Quỹ chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tài chính năm, kế hoạch về vốn và sử dụng vốn báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ để trình UBND tỉnh phê duyệt.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Quỹ.

Điều 27. Doanh thu của Quỹ

Doanh thu của Quỹ là các khoản phải thu phát sinh trong kỳ, bao gồm:

1. Thu hoạt động nghiệp vụ:

a) Thu lãi cho vay từ các dự án cho vay vốn của Quỹ.

b) Thu phí dịch vụ nhận ủy thác cho vay, tài trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng ủy thác.

c) Thu hoạt động nghiệp vụ khác.

2. Thu từ hoạt động tài chính:

a) Thu lãi tiền gửi.

b) Các khoản thu khác từ hoạt động tài chính.

3. Các khoản thu khác:

a) Thu bảo hiểm đền bù tổn thất tài sản.

b) Thu nợ đã xóa nay thu hồi được.

c) Các khoản thu nhập khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Chi phí của Quỹ

Chi phí của Quỹ là các khoản chi phí phát sinh trong kỳ cần thiết cho hoạt động của Quỹ, tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật, bao gồm:

1. Chi phí hoạt động nghiệp vụ:

a) Chi phí liên quan hoạt động nghiệp vụ cho vay.

b) Chi phí dịch vụ ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh theo hợp đồng ủy thác và chi phí liên quan đến hoạt động nhận ủy thác.

c) Chi trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định về hướng dẫn hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

d) Chi trả tiền lãi ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản, nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, chôn lấp chất thải.

đ) Chi cho hoạt động nghiệp vụ khác.

2. Chi hoạt động tài chính: Bao gồm các khoản chi liên quan đến hoạt động gửi tiền tại các ngân hàng thương mại và các chi phí khác.

3. Chi cho cán bộ, nhân viên thực hiện theo chế độ của nhà nước quy định đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:

a) Chi phụ cấp, thù lao cho thành viên Hội đồng Quản lý, Giám đốc, Kế toán Ban Kiểm soát, Tổ giúp việc Hội đồng quản lý theo chế độ kiêm nhiệm.

b) Chi chế độ kiêm nhiệm cho các chức danh quản lý và cán bộ, nhân viên khác của Quỹ theo quy định.

c) Các khoản chi khác cho cán bộ, nhân viên theo quy định của pháp luật.

4. Chi phí quản lý của Quỹ

a) Chi khấu hao TSCĐ (nếu có), chi mua công cụ, dụng cụ, tài sản, thiết bị, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của Quỹ theo quy định; chi phí kiểm toán.

b) Chi công tác phí, chi phụ cấp khác để thực hiện nhiệm vụ theo quy định áp dụng cho doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

c) Chi phí giao dịch, đối ngoại, chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết của Quỹ theo quy định của pháp luật;

d) Các khoản chi khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và của pháp luật.

5. Định mức chi phí quy định tại Khoản 1,2,3,4 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 29. Chênh lệch thu – chi và phân phối chênh lệch thu chi

1. Chênh lệch thu chi của Quỹ là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh trong năm tài chính theo quy định tại Điều 27 và Điều 28 Điều lệ này.

2. Khi chênh lệch thu, chi là dương (+), sau khi trả tiền phạt do vi phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của Quỹ và bù đắp khoản chênh lệch thu chi âm lũy kế đến năm trước (nếu có), được phân phối như sau:

a) Trích 50% vào nguồn vốn bổ sung của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, tài trợ. Quỹ có trách nhiệm hạch toán, theo dõi riêng khoản vốn này.

b) Phần còn lại sau khi trích nguồn vốn bổ sung thực hiện trích vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung tăng vốn điều lệ của Quỹ.

Điều 30. Chế độ kế toán

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính, thống kê theo các quy định pháp luật hiện hành.

2. Hàng năm, Quỹ có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi sau khi có ý kiến của Ban kiểm soát.

3. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 dương lịch.

Điều 31. Kiểm toán

1. Quỹ chịu sự kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước theo quy định hiện hành.

2. Quỹ được lựa chọn, thuê Kiểm toán độc lập hoặc tự tổ chức kiểm toán nội bộ về các hoạt động tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Kết quả kiểm toán phải được báo cáo kịp thời với Giám đốc, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương VI

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN CỦA QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM

Điều 32. Chế độ thông tin

Quỹ được trao đổi thông tin về hoạt động của Quỹ trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật về thông tin và bảo mật.

Điều 33. Bảo mật thông tin

1. Cán bộ, nhân viên của Quỹ và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật các thông tin về hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ có quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về cung cấp thông tin liên quan đến khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực của Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ do Hội đồng Quản lý Quỹ trình UBND tỉnh quyết định.
2. Các quy định nội bộ của Quỹ phải tuân thủ Điều lệ này.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ chưa được quy định tại Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật, khác với các điều khoản trong Điều lệ thì những điều khoản của quy định đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Quỹ.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này./.